

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

AM NGỌC
QUYỂN III
TỬ QUANG

BẢN NĂM NHÂM-TUẤT (1982)

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **TỬ QUANG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIAO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 06/09/2013

Tâm Nguyên

TÂM NGỌC

QUYỂN III

TỬ QUANG

MỤC LỤC

❖ TÂM NGỌC – Quyển III	9
▪ LỜI TỰA	11
▪ I. NHƠN NGUYỆT VẤN ĐÁP	13
▪ II. TỘI TỔ TÔNG	17
▪ III. CHÚ GIẢI CÁC BÀI KỆ CHUÔNG	21
▪ IV. ĐẠI ĐẠO HAY PHẬT GIÁO CHẤN HƯNG	25
▪ V. HIỆP THIÊN ĐÀI NHẬP NỘI NGHI	29
▪ VI. SỰ TÍCH CHÈO THUYỀN	31
▪ VII. THẾ TƯỚNG BỘI BẠC	35
▪ VIII. CÁC MÓN CHỢ ĐỜI	37
▪ IX. TẬN ĐẠO TAM ĐỒ LÀ SAO?	43
▪ X. GẦN ĐẾN ĐÀO NGUYÊN	45



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

TÂM NGỌC – Quyển III

- I. NHƠN NGUYỆT VẤN ĐÁP
- II. TỘI TỔ TÔNG
- III. CHÚ GIẢI CÁC BÀI KỆ CHUÔNG
- IV. ĐẠI ĐẠO HAY PHẬT GIÁO CHẤN HƯNG
- V. HIỆP THIÊN ĐÀI NHẬP NỘI NGHỊ
- VI. SỰ TÍCH CHÈO THUYỀN
- VII. THẾ TƯỚNG BỘI BẠC
- VIII. CÁC MÓN CHỢ ĐỜI
- IX. TẬN ĐẠO TAM ĐỒ LÀ SAO?
- X. GÃN ĐẾN ĐÀO NGUYÊN

LỜI TỰA

CHÚNG TÔI BẮT ĐẦU TÂM CÁI HAY, CÁI KHÉO của các vị Chức Sắc Lão Thành để làm tài liệu học Đạo.

Không phân biệt loại nào hoặc Thánh Giáo, thi phú, truyện tích, những cái gì có ảnh hưởng tốt đến tinh thần Đạo đức, khai mở được Bồ Đề Tâm, giải thích những uốn khúc của luật pháp. Những thắc mắc đưa ra phải được giải đáp thỏa đáng.

Chúng tôi không chắc những thắc mắc ấy trúng hẳn 100% nhưng mà thỏa mãn phần nào tánh tò mò học Đạo của nhiều thức giả.

Chừng nào cơ bút được tự do, các Đấng nhìn nhận những giải thích ấy, chúng ta sẽ căn cứ nơi Thánh Giáo làm tài liệu chánh thức của Đại Đạo.

Tưởng những sự “*Tâm Ngọc*” ấy không có tác dụng tư lợi thì xin có sự đóng góp của nhiều bạn Đạo tâm hùn vốn vào để khi mỏ Ngọc được khai quật thì chúng ta sẽ chia nhau mà làm giàu.

Rất mong thay.

Thánh Địa ngày 22-2- Nhâm Tuất (1982)

Tử Quang⁽¹⁾

(1). **Từ Quang**: là sự kết hợp giữa **Từ Trước** (Bút hiệu của ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại) và **Quang Minh** (Bút hiệu của ông Sĩ Tải Bùi Văn Tiếp) hai người đã cùng nhau sưu tầm những cái hay của nền Đại Đạo để cho ra đời các quyển Tâm Ngọc I, II, III, IV, V. Nhưng rất tiếc giờ đây 2 quyển IV và V đã bị thất lạc chỉ còn lại quyển I, II và III mà thôi.

I. NHƠN NGUYỆT VẤN ĐÁP

Tiết thu dạ thiên quang vân tịnh,
Chốn hỉ đình thức tỉnh cảnh khuya.
Tai nghe văng vẳng bốn bề,
Gương nga vàng vặc trái kể quế lan.
Thấy trăng xúc động lòng vàng,
Ngâm câu vấn nguyệt thổ than vấn dài.

Hỏi chị Nguyệt mấy lời sau trước,
Duyên cớ sao mà được thành thời?
– Nguyệt rằng: Vật đổi sao dời,
Gương này trời để cho người soi chung.
Làm cho mỗi mắt anh hùng,
Ngàn thu sương tuyết một màu thanh quang.

Hỏi chị Nguyệt có đường lên tới,
Chốn Thiên Cung phỏng độ bao xa?
– Nguyệt rằng: Trong cõi Yến Hà,
Có cây đan quế ấy là nhà em.
Anh hùng thử tới mà xem,
Kìa gương Ngọc Thố, nọ rèm Thủy Tinh.

Hỏi chị Nguyệt có tình chẳng tá?
Chứ niên hoa, phỏng độ bao nhiêu?
– Nguyệt rằng: Chút phận tơ đào,
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn.
Gương Nga văng vặc chẳng mòn,
Bao nhiêu tình đâu là con cái nhà.

Ta lại hỏi Hằng Nga mấy tuổi?

Cứ ngày rằm đến tối thì ra.

– Nguyệt rằng: Trong cõi người ta,
Minh minh trường dạ, ai là biết ai?

Vậy nên mở mắt soi hoài,
Biết nơi nham hiểm, biết loài tà gian.
Quyết lên cho tôi cung trăng,
Kết duyên cho đặng chị Hằng mới thôi.
Một trăng với một mình ta,
Biết nhau chỉ có canh ba điểm trùng.

Nguyệt thong thả ướm lòng lại hỏi,
Cõi trần gian là cõi làm sao?
Cuộc đời xem tựa chiêm bao,
Công hầu khanh tướng xôn xao trong vòng.
Tranh nhau vì chút hơi đồng,
Giết nhau vì miếng đỉnh chung của đời.

Nguyệt lại hỏi đến người quân tử,
Lúc loạn ly ai giữ kinh luân?
– Ta rằng: Có Đấng Thánh Quân,
Ra tay giúp nước nên thân trị bình.
Còn phường trục lợi tham danh,
Trò đời xe công ra tình phù du.

Nguyệt lại hỏi rừng Nhu mấy kẻ,
Quyết ra tay bẻ quế trường an;
– Ta rằng: Cá nước chim ngàn,
Đời nào chẳng có Phụng Hoàng, Kinh Ngư.
Ta hỏi Nguyệt, Nguyệt ngơ ngẩn,
Nguyệt nhìn ta ngơ ngẩn ngẩn ngơ.

Rèm hoa trướng gió phất phơ,
Hiu hiu gió thổi, hương đưa ngọt ngào.
 Cánh khuya bóng Nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta Nguyệt biết bao nhiêu tình.
 Mấy câu ngâm chốn Lữ Đình,
Có ai biết Nguyệt, biết mình chẳng ai?

TÚ XƯƠNG SOẠN

II. TỘI TỔ TÔNG

Trong 9 Đấng Thiên Thân, có 1 đấng LUXIPHE kiêu ngạo quá. Chúng muốn lên bằng địa vị Đức Chúa Trời nên bị Đức Chúa phạt hóa ra ma quỷ.

Ma quỷ từ đó luôn luôn ám ảnh và làm hại loài người. Khi Adong, Eva còn hưởng hạnh phúc thanh nhàn trong vườn Diệt Lạc, ma quỷ thấy 2 người này ở hết lòng cùng Chúa nên có phân bì số phận của nó với phúc lộc loài người. Nó quyết tâm cám dỗ, hòng làm cho 2 người phải hư hại lây đến cả dòng dõi phải chịu điều linh tan tóc nữa.

Muốn cám dỗ đàn bà dễ hơn, quỷ mới hiện hình thành con rắn đến phỉnh phờ Eva mà hỏi: *“Vi sao Chúa Trời cho 2 ông bà ăn mọi giống trái trong vườn này mà cấm một trái ngon nhứt làm chi?”*

Eva nói: *“Đức Chúa Cha đã trọng cấm chẳng dám lấy trái đó mà ăn. Nếu phạm lệnh chúa thì sẽ phải tuyệt mạng.”*

Ma quỷ luận lý: *“Chẳng hề chi sợ, hai ông bà chẳng chết đâu. Hãy nghe tôi mà ăn, Đức Chúa Trời ra lệnh nghiêm khắc ấy là vì người chẳng muốn cho ông bà cũng được thông minh sáng suốt biết mọi điều thiện ác như Người. Ngày nào ông bà ăn quả quý đó thì con mắt sẽ sáng láng thấu triệt mọi lẽ huyền vi, giống như Đức Chúa Trời vậy.”*

Nghe lời ấy tâm hồn Eva đã xiêu quá nửa phần, lập tức đến xem tường tận tại cây cấm. Quả nhiên thấy nhiều trái tốt lành, thơm tho chưa từng có. Khi đó bà mới dứt lòng theo chước quỷ, liền hái lấy trái cây đem lại cho chồng

cùng ăn. Adong cũng nhứt tâm theo ý vợ...

Ôi! Vợ chồng Adong đã phạm tội. Ban đầu thấy thân thể đều bị phạt trần truồng, hiểu biết ngay mình đã có lỗi và mất nghĩa Chúa. Vì khi chưa phạm tội, hai ông bà còn sạch sẽ như Thánh Thiên Thần và tinh xác hãy còn chịu lụy mọi phép linh hồn. Xấu hổ quá ông phải kiếm lá chuối che mình mấy kẻ bị trơ tráo quá.

– Adong đâu? –Đức Chúa Trời gọi.

Adong chẳng còn ứng tiếng như trước nữa. Những sợ sệt, khiếp vía, kinh hải, muốn ẩn mình, vì ông ở trần không dám ra trước mặt chúa.

– Đức Chúa Trời quở mắng: *“Quân bậy phạm lệnh ta nên phạt bậy phải xấu hổ. Ai cho phép các người ăn trái cây ta đã cấm?”*

Khi ấy Adong phải nạt mình tạ tội, không ngờ y lại bào chữa mà trách Đức Chúa rằng: *“Đàn bà kia Chúa cho làm bạn cùng tôi, nó đã dành tôi ăn trái ấy.”*

Chúa trời nổi giận mắng ngay Eva thì bà ấy cũng chữa mình mà hoàn toàn đổ lỗi cho con rắn.

Hai người bào chữa bất hợp lý, và Đức Chúa không dung thứ. Thoạt tiên Chúa Trời bắt con rắn, từ rày về sau phải bò trệt ngực sát đất, lại phải ăn bần nữa. Người đàn bà phải chịu vĩnh viễn đau đớn nhiều, như là khi sanh con phải chịu trăm bề thống khổ và trọn đời phải chịu tòng phục người đàn ông. Từ đấy cho đến muôn vạn đời, người đàn bà bị chúa phạt mãi sự cực khổ ấy. Còn Adong bị Chúa phạt trọng hình: *“Bởi người tin lời vợ hơn ta thì đất nầy sinh cho người mọi gai góc cùng những cỏ hoan. Người phải đổ mồ hôi khó nhọc mới có miếng ăn. Cho đến*

khi chết thì xác người trở nên đất cát.”

Sau Thiên Chúa bắt 2 tội nhân phải mặc áo da thú vật, mà nói rằng: *“Này người đã nên giống giống của ta chưa? nay chẳng cho phép người ăn trái cây “Trường Sanh” nữa kéo chúng người hàng sống mãi.”*

Chúa đuổi 2 ông bà lập tức khỏi vườn Địa Đàng và ủy thác ngay một vị Thiên Thần khác cầm gươm lửa giữ chặt cửa Thiên Cung từ đó.

Bị đọa xuống trần gian 2 ông bà bâng khuâng như hai kẻ bị đày, lang thang thất thiếu và khóc lóc nỗi mình. Lướt trên mặt đất sinh ra gai góc rậm rạp, bãi bờ hiểm trở. Đây là dấu tích nhắc lại tội 2 người đã phạm lệnh Chúa.

Tất cả những sự khốn nạn đó thật thảm thiết thống hối biết bao. Chỉ vì một miếng ăn ngon để lại tội cho loài người muôn vạn kiếp.

Thánh Kinh Công Giáo gọi tội lớn ấy là *“Tội Tở Tông Truyền”*

Trích nơi quyển Khám Phá Vũ Trụ và Đời Người, trang 58 Quốc Ảnh.

III. CHÚ GIẢI CÁC BÀI KỆ CHUÔNG

LÔI ÂM CỔ KHỞI

1. *Lôi Âm Thánh Cổ triệt hư không,*
2. *Truyền tẩu Càn Khôn thể giải thông.*
3. *Đạo pháp⁽¹⁾ đương kim dương chánh giáo⁽²⁾,*
4. *Linh Quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung.*

GIẢI:

1. Tiếng trống Thánh vang vọi khắp chốn hư không,
2. Để thông truyền trong thế giới vũ trụ.
3. Phương pháp của Đạo ngày nay tỏa ra là một nền chánh giáo
4. Ánh linh quang chiếu sáng Cung Bạch Ngọc.

Chú thích:

- (2). **Đạo Pháp:** chánh nghĩa của Đạo.
- (3). **Chánh giáo:** một giáo lý chơn chánh.

BẠCH NGỌC CHUNG MINH

1. *Hồng chung thánh hương phóng Phong Đô,*
2. *Địa Tạng khai môn phóng xá cô.*
3. *Tam Kỳ vận chuyển kim quang hiện,*
4. *Sám hối âm hồn xuất U Đồ.*

GIẢI:

1. Tiếng hồng chung vang vọng đến chốn Phong Đô,
2. Phật Địa Tạng mở cửa phóng thích cho các loại cô hồn.
3. Nay Tam Kỳ Phổ Độ xoay chuyển làm cho ánh linh quang đặng xuất hiện.
4. Nhờ đó mà các đặng âm hồn ăn năn đặng thoát khỏi đường tối tăm.

CHUÔNG NHỨT

1. *Văn chung khẩu hướng⁽¹⁾ huệ⁽²⁾ trường⁽³⁾ Càn Khôn,*
2. *Pháp giới⁽⁴⁾ chúng sanh đồng đặng Bỉ Ngạn⁽⁵⁾.*
3. *Ấn đà ra để, dạ ta bà ha.*

Giải:

Khi nghe tiếng chuông xây lại cú đầu hoài niệm có đặc ân trường dưỡng của Trời Đất.

Bản tính của chúng sanh, bước qua Bỉ Ngạn.

Chú thích:

-
- (1). **Khẩu hướng:** xây lại cú đầu.
 - (2). **Huệ:** ban ơn hay lòng nhơn ái.
 - (3). **Trường:** nuôi nấng muôn loài.
 - (4). **Pháp giới:** bản tính của chúng sanh.
 - (5). **Bỉ ngạn:** chỗ thoát ly khổ hải của đời mà chánh quả của Đạo.

CHUÔNG NHÌ

1. *Nhứt vi u ám⁽¹⁾ tất giai văn,*
2. *Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác⁽²⁾.*

3. *Ấn dà ra để da ta bà ha.*

Chú thích:

1. Thiết một nơi nào u ám tối tâm cũng đều đặn nghe.
2. Cả thầy chúng sanh đều trở nên bực chánh giác.

(1). **U ám:** tối tâm

(2). **Chánh giác:** thấy rõ chơn lý của giác ngộ.

CHƯƠNG BÃI ĐÀN

1. *Đàn tràng viên mãn Chúc Sắc qui nguyên.*
2. *Vinh mộc⁽²⁾ từ ân phong điều gió thuận.*
3. *Thiên Phong hải chúng quốc thời dân an,*
4. *Hồi hướng đàn trường⁽²⁾ tận thâm pháp giới.*
Ấn dà ra để da ta bà ha.

Chú thích:

1. Đàn tràng đã xong Chúc Sắc về chỗ cũ.
2. Hằng từ lâu đặn nhuần gọi ơn lành mưa hòa gió thuận.
3. Chúc cầu Thiên Phong Thiện Tín nước thanh nhà yên.
4. Khi ra khỏi chỗ đàn rồi tận thâm bản tánh.

Chú thích:

(1). **Đàn trường:** trong cái đàn lớn có đặt cái đài cao nên gọi là Đàn Trường.

(2). **Mộc:** là gọi nhuần.

(Trích tài liệu của ông Phối Sư Ngọc Đại Thanh, Lại Viện Hành Chánh)

IV. ĐẠI ĐẠO HAY PHẬT GIÁO CHẤN HƯNG

Đạo Phật là một chơn giáo khai từ Nhứt Kỳ Phổ Độ có Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Nhị Kỳ Phổ Độ có Đức Thích Ca Mâu Ni và Tam Kỳ Phổ Độ có Đức Quan Âm Bồ Tát Chương Giáo.

Từ Nhị Kỳ, Đức Thích Ca viên tịch thì truyền cho An Đà đến Ca Diếp.... rồi truyền đến 28 đời giáo chủ ở Ấn Độ. Đến Đạt Ma Tổ Sư được gọi là Nhứt Tổ, kể đến:

- Nhị Tổ là Huệ Khả.
- Tam Tổ là Đạo Tín
- Tứ Tổ là Tăng Xáng
- Ngũ Tổ là Hoàng Mai
- Lục Tổ là Huệ Năng.

Từ Huệ Năng đoạt y bát chơn truyền thì Thần Tú tranh quyền lập phái nên từ đó Đạo Phật không có Thất Tổ tức là bị thất chơn truyền. Lục Tổ thì dạy Bí Pháp mà thiếu Thế Pháp. Thần Tú dạy Thế Pháp mà thiếu Bí Pháp nên tu có công mà thành thì không thành.

Năm Bính Dần (1926) Chí Tôn khai Đại Đạo, các môn đồ của Phật nhập môn rất đông trong đó có ông Nguyễn Ngọc Thơ được phong Thái Đầu Sư; người tâm Đạo siêng năng, được Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cùng Lục Nương Diêu Trì Cung giảng cơ dạy; chúng tôi xin sao bài Thánh Giáo ấy để chư đọc giả thấy rằng Đạo Cao Đài không khác Phật giáo.

Phò Loan **Phạm Môn** ngày 15-12 Tân Mùi (22-1-1932)
Hộ Pháp **Nguyệt Tâm Chơn Nhơn**
Tiếp Đạo **Victor Hugo**

*Mặt nguyệt rạng ngời Trời thanh bạch,
Cội trần nay nhớ khách đức dầy.
Mùi thơm sen Phật đã bay,
Từ bên Đông Á phổ truyền Tây Âu.
Nước hằng sông rửa sầu thế sự,
Chuyển chơn linh đổi giữ theo lành;
Văn ban dẹp cuộc chiến tranh,
Lập cơ thoát khổ độ sanh muôn loài.
Kẻ vì mị đoái hoài giả Đạo,
Kẻ hay tin quái giáo gây trò;
Nguyên Nhân lỡ bước ai lo,
Đem đường Cực Lạc đưa dò mê tân.
Khá mở ngā Thiên Lâm cho chóng,
Các ngươn linh trông ngóng bấy lâu.
Biết thân lại đợi ai cầu...*

LỤC NƯƠNG Tiếp

*Cầm gương thần huệ xây lâu tuyệt oan.
Dục thế sự an nhàn lập phận,
Lửa thiên cơ khởi vấn vương oan;
Để chơn vào chốn Niết Bàn,
Thoát vòng luân chuyển may dàng tâm duyên.
Phải hiểu nghĩa Thiên Lâm cho rõ,
Các thình âm chẳng có cửa không;*

*Bớt điều sắc tướng hườn vong,
Bớt điều tà mị nhọc lòng Phạm Vương.*

*Bớt các lễ người dương mê tín,
Nhập tịnh gia cây lệnh Thích Ca;
Bớt điều làm sãi bói ma,
Đưa linh lại mượn có nhà Minh Sanh.*

*Bớt mọi lễ giết giành bói phước,
Lấy Vu Lan đặng được ấm no;
Bớt kinh bớt xá dâng thơ,
Mā môn con hát già đồ khôi khiên.*

*Bớt cây Phật lập quyền địa ngục,
Bớt đồ mưu lấy phúc Di Đà.
Bớt phường giải nạn tìm ma,
Lập nên danh phận cho nhà quỷ tăng.*

*Anh⁽¹⁾ khá kiểm lời răng của Phật,
Lấy từ bi dịu dặt sa môn;
Phật Tăng như xác không hồn,
Đưa cơ cứu khổ làm môn độ đời.*

*Anh nên mở cho rồi Cực Lạc
Lập phương tu cho các chư sơn;
Tùy theo Tân Pháp Chí Tôn,
Đường tu của Phật may hườn như xưa.*

*Em nói rõ cho vừa anh hiểu,
Bất Thiển Lâm từng kiểu Tam Kỳ,
Pháp mâu hai chữ Từ Bi...*

Em xin kiếu

THĂNG

(3). **Anh:** gọi ông Thái Thơ Thanh.

V. HIỆP THIÊN ĐÀI NHẬP NỘI NGHỊ

Dư luận thường thắc mắc rằng, tại sao Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ở Điện Thờ Phật Mẫu quì ngoại nghị, lạy tại chỗ được, còn ở Đền Thánh lại phải vào Cung Đạo mà lạy? đi lên đi xuống có nghĩa lý gì không?

Chúng tôi chỉ suy luận chớ không rõ bí pháp có đúng thế không, xin quý vị cao minh chỉ giáo thêm.

– Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần của Đạo, trong Đàn Cúng họ đứng sau hết, làm phận sự xem xét phần xác là Cửu Trùng Đài coi có hoàn chỉnh trật tự chăng? Thiên phục có chỉnh tề chăng? Nếu trong Đàn có xảy ra sự thất lễ, thất Pháp thì vị chứng Đàn Hiệp Thiên Đài phải chịu trách nhiệm với Chí Tôn cùng các Đấng. Nên Hộ Đàn Pháp Quân phải điều động Bảo Thể nghiêm minh sắp xếp theo lệnh của Hộ Pháp, nhưt hô bá ứng.

Sau Ngũ Nguyên, Lễ xướng Hiệp Thiên Đài nhập Nội Nghị thì Hộ Pháp đi trước, kế Thượng Phẩm, Thượng Sanh, rồi Thập Nhị Thời Quân, Thập Nhị Bảo Quân cùng Tả Hữu Phan Quân, Hộ Đàn Pháp Quân luôn Chức Sắc tiểu cấp Hiệp Thiên Đài vào Cung Đạo bái lễ Đức Chí Tôn.

Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần lên Bát Quái Đài hiệp với Chơn Linh của Cửu Trùng Đài là xác là ý cho Tam Bửu - Tinh, Khí, Thần hiệp nhưt. Bí pháp định phải có sự thống hợp của thể xác, tinh thần và linh hồn mới đoạt Đạo.

Ở cá nhân thì gọi là Tam Huê Tự Động, là luyện

Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư là Tam Bửu hiệp tại Nê Hoàn Cung là Đắc Đạo. Còn đây là ở Đền Thánh tức đại diện Thánh Thể Đức Chí Tôn tại mặt địa cầu này thì Hiệp Thiên Đài phải hòa cùng Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài để đoạt Bí Pháp hầu **vạn hữu qui nhứt bản** mà trở lại Hư Vô.

VI. SỰ TÍCH CHÈO THUYỀN

Ngày mùng 5 tháng 6 Nhâm Tuất (1982) chúng tôi có đến phỏng vấn ông Tổng Mũi Nguyên về căn gốc việc Chèo Thuyền Bát Nhã; chúng tôi xin đại lược để quý đồng Đạo được tường lãm.

Từ ngày khai Đạo đến năm thứ 12 tức năm 1938, Đức Di Lạc Vương Phật có giáng cơ cật Đức Hộ Pháp tạo một chiếc thuyền Bát Nhã để dẫn độ Chơn linh của 92 ức Nguyên Nhân về Bạch Ngọc Kinh. Đức Ngài cũng không biết hình thức của thuyền ấy ra sao, thì Đức Di Lạc dạy tạo 1 chiếc như chiếc ghe lườn, mũi có đầu rồng, lái có đuôi rồng, giữa làm mui như nóc nhà, nhưng thuyền lại để trống không có đáy.

Bà Bát Nương dạy thêm, nên ra Huế rước người của Triều Đình chuyên hát Chèo để tế lễ Nam Giao vào dạy mẫu bài bản, điệu bộ, nhạc trống họ chỉ dẫn thì sẽ làm nên Ban Chèo Thuyền của Đạo.

Sản dị có Lê Sanh Chính là người Huế Chúc Sắc Trung Tông về châu lễ Phật Mẫu, Đức Hộ Pháp cật thi hành việc ấy. Ông Chính than thở rằng: Từ thử không dám lên vào Hoàng Cung, ra đó biết ai mà sợ cật, song lệnh Đức Giáo Chủ phải cúi đầu. May thay có Chánh Trị Sự Hào (sau là Giáo Sư Thái Hào Thanh) nhận rằng mình hồi nhỏ có làm Bá Trạo cho bên hát chèo nên biết chủ chốt của họ. Rồi hai ông Chính và Hào cùng lãnh lệnh đi ra Huế.

Khi đến nơi gặp được ông Giác và ông Biện, hai ông bằng lòng vào Tòa Thánh dạy 2 tháng thành nghề với số tiền thù lao là 300 đồng.

Đức Hộ Pháp ra lệnh cho Lễ Viện chọn một số Lễ Sĩ đem lên Đức Ngài lựa. Ngài chọn Năm Le làm Tổng Lái, Chính Nguyên làm Tổng Múi, ông Phát làm Tổng Thương cùng 12 người Bá Trạo.

Bài vỡ đã ra mà kếp họ cũng chưa thuộc tuồng, thuộc giọng, điệu bộ cũng chẳng thạo thông thì tới Lễ Khai Đạo Rằm Tháng Mười, có Bà Giáo Sư Hương Phụng ở Nam Vang về, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh ở Vĩnh Long lên. Có Bà Giáo Sư Hương Hồ cùng Chúc Sắc địa phương về Tòa Thánh dự lễ. Đức Hộ Pháp dạy Lễ Viện cất rạp mượn Kim Khôi, hắc giáp làm y phục cho Tổng Lái, bạch khôi, bạch giáp làm y phục cho Tổng Múi cùng dậm mặt đỏ cho Tổng Thương, đêm 11 tháng 10 Đinh Dần (1938) ra mặt khán giả. Chỉ học có 10 ngày làm sao hát được nên ông Tổng nhờ Lễ Viện trình Thầy xin hoãn lại ít hôm. Thầy bác đơn và buộc đến ngày 11 phải hát, cả thầy đều sợ lệnh mà thi hành.

Đến 8 giờ tối, khán giả đều đủ mặt, Đức Hộ Pháp kêu ra tuồng. Giáo Sư Minh kêu Tổng Lái ra trước, vì không thuộc tuồng Tổng Lái chần chừ, Đức Ngài lại thúc giục nên buộc ông Minh phải đập đích Tổng Lái ra sân khấu. Có lẽ lúc ấy chơn linh nhập thể nên Tổng Lái cất tiếng lanh lảnh, hát hay xuất sắc đến nỗi tiền thưởng lúc đó đầy 1 rổ quả bạc các.

Tổng Thương và Tổng Múi đến phiên mình cũng bị đập đích ra sân khấu mà hát, điệu bộ không thua hát bộ chánh tông nên khán giả hài lòng thưởng bạc.

Đức Hộ Pháp hài lòng hơn cả vì đã thành công làm tròn phận sự của Đức Di Lạc sở cậy. Thấy biểu mỗi đứa hát sao thì phải nhớ ghi lại lời hát của mình, rồi ráp 3 đứa lại thành tuồng chèo thuyền hôm nay chớ bản chánh của Triều Đình Huế không giống với bây giờ.

Sau sáu tháng hai ông được mười, thấy tinh thần của Đạo Cao Đài đẹp quá nên xin nhập môn theo Đạo và không nhận tiền thù lao, chỉ xin đủ tiền xe về xứ sở.

Còn Chèo Hầu, đầu tiên hết là chèo đám xác ông Giáo Sư Thành. Thuyền đưa từ Sài gòn lên Tây Ninh do xe lôi kéo. Chỗ nào có chợ búa thì xe chạy chậm lại hát. Dân chúng hai bên lộ thấy lạ chạy chen nhau như xem hát Sơn Đông. Lúc ấy Đạo còn yếu mà nhờ Ban Chèo Thuyền dẫn độ được nhiều người thấy vẻ đẹp của Đạo và ý nghĩa của sự Chèo Thuyền, cứu vớt chơn hồn về Cực Lạc Cảnh. Nhứt là bên Phật giáo, họ đã hiểu nó mà không thấy nó. Nay nó sống lại trước mắt họ nên họ giác ngộ theo Đạo rất nhiều. Những người có đọc Tây Du Diễn Nghĩa cũng nhớ lại tích Tam Tạng thỉnh kinh đến Nại Hà Kiều thấy thuyền không đảy lên ngôi đưa qua Tây Thiên Trúc mà thỉnh kinh.

Ban Chèo Thuyền bị gián đoạn một thời gian khi Thầy lưu vong Miên Quốc (1956). Đức Thượng Sanh ra lệnh cấm hoạt động cho rằng chúng thất lễ, dám chỉ trích Chức Sắc công khai trong cách hành sự tại Báo Ân Từ.

Khi Tổng Khậ Giác qui vị, nhờ Tổng Múi Nguyễn cầu khẩn và giải thích cặn kẽ nên Đức Thượng Sanh chấp thuận chèo cho ông Giác và từ đó được hoạt động trở lại.

Nhưng đến trào XHCN cho nó là mê tín dị

đoan nên bị cấm đến nay (lưu ý bài này viết năm 1982).

Ông Nguyễn là người chót hết còn sống sót trong ban đầu tiên của Ban Chèo Thuyền sáng lập năm 1938.

Ông ước một ngày sáng lạng, Ban Chèo Thuyền được tự do hoạt động lại để chờ chơn linh Chúc Sắc hưởng Bí Pháp của Đức Di Lạc tại thế, ông sẽ làm huấn luyện viên dẫn dắt đoàn hậu tấn tiếp nối công trình của đàn anh đang bỏ dở.

VII. THẾ TƯỚNG BỘI BẠC

BÁT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*Không đáng phận xông xao quá phận,
Không tài ba mà trở mặt trí mưu.*

*Hèn ganh sang gây lẽ nghịch thù,
Dở làm giỏi đồ mưu phản phúc.
Gây oan nghiệt bởi lòng tư dục,
Kẻ oán thù vì chút đỉnh chung;
Ngoài mặt đời ít kẻ vẫy vùng,
Ra trần thế những phường phản loạn.
Kìa từ trước phế vua phân bạn,
Gãm bởi đầu tên choán sử sanh.*

*Cũng do kẻ giết mưu giành,
Giành thế lực, giành danh, giành quyền lợi.*

*Gương xấu để mặt trời chế gột,
Đầu cũng do khôn với ngu mưu;
Hễ đồ vương thiên hạ mến ưa,
Nếu sánh với trộm cướp cũng chưa chi lạ.
Có thế lực thì nên nghiệp cả,
Không quyền hành đối trá nghèo hèn.
Cái cơ đời lắm kẻ từng quen,
Biết bụng thế lại xem vẫn khách.
Vì vậy mà
Đời đã đóng thành tuồng thành sách,*

*Dạy cho nên hắc bạch màu thương;
Thương cho đời khổ não đoạn trường,
Chẳng khác kẻ oan ương biến thắm.*

VIII. CÁC MÓN CHỢ ĐỜI

Năm 1956, Lục Nương Diêu Trì Cung có giảng cơ cho một bài thơ tứ tuyệt bao hàm ý nghĩa sâu xa của xã hội Việt Nam đã trải qua từ nhiều thế kỷ. Tuy hoàn cảnh nhỏ bé luôn bị cường quyền áp bức, chúng ta lại được Chí Tôn chọn làm giống Thần Thông làm Thánh Thể của Ngài tức là thầy như sanh. Theo phép thông thường của mặt thể, muốn làm thầy trước hết ta phải làm trò, ta phải học cái hay cái khéo của thiên hạ. Dân tộc Việt Nam nhờ học văn minh của Tàu, của Ấn, của Pháp, của Mỹ, của Anh nên nay đã trưởng thành, khôn ngoan, găm ghề được bực thầy thiên hạ.

Thêm vào sự học hỏi trí thức tinh thần của hầu hết các nền văn minh quốc tế, Chí Tôn lại mở nền đại Đạo để dạy về mặt huyền linh siêu hình, dụng cơ bút, khai huệ trí cho con cái của Ngài, chẳng những già giặn về mặt chính trị đời mà còn thông suốt mấy huyền vi bí mật của Đạo thì thiết tưởng chưa có dân tộc nào được hân hạnh như thế. Hạnh phúc thay cho giống Lạc Hồng.

Bà Lục Nương có cho bài thi như vậy:

THI:

*Muốn đạt huyền linh hỏi có gì?
Phải chăng minh trí hỏi nguồn thi?
Chợ đời buôn bán bao nhiêu món?
Để học cho ra kịp thuở thi.*

Câu trạng là nhờ trí huệ để hiểu khoa thi mà thi ấy

là phải tìm hiểu các món hàng của chợ đời, hầu biết giá của mỗi thứ thì mới định được bài đăng đưa ra trường lý này đa.

(Lời giải thích của Lục Nương).

Giống giống Lạc Hồng có từ Tam Hoàng truyền đến Vua Hùng Vương thứ 18 mới bị Triệu Đà là một bộ lạc đánh lấy. Sau Tàu qua đô hộ mới gom sách vở của ta thuở ấy chở về nghiên cứu học hỏi.

Vậy tư tưởng triết lý của ta thuở ấy hay hơn của Tàu. Lối ăn mặc như bôi tóc, thắt dây lưng xanh, đội khăn đóng đen, mặc áo dài đen, nhạc lễ nghiêm chỉnh... là nền móng đặc biệt của một dân tộc tối văn minh của thời cổ. Có lễ nghi mới có triều chánh.

Từ Triệu Đà đô hộ chúng ta bị trị gần 2.000 năm. Truy nguyên về Tổ Quốc giống Lạc Hồng, quê hương của chúng ta ở ven sông Dương Tử thuộc Bắc Tam Tỉnh là Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam tức là nước Lỗ đời xưa lối 2.500 năm về trước. Đức Khổng Tử lại là người nước Lỗ tức là Ngòi thuộc giống Bách Việt; như vậy chúng ta vi chủ Đạo Nho chớ không phải Đạo Nho của Trung Hoa mà ta chịu ảnh hưởng, chính Trung Nguyên chịu ảnh hưởng của ta.

Trung Hoa là 1 nước có cả trăm sắc dân: Mông, Mãng, Tạng, Máng, Hồ, Nhung, Khương, Di, Định, Man, Bách Việt... v. v...

Tổ Tiên ta lấy Nho Tông làm căn bản của giống Lạc Hồng, thêm vào triết lý cao thượng của Lão Giáo. Song song với thời gian ấy Phật Giáo Ấn Độ cũng sang qua Tàu nhờ Đạt Ma Tổ Sư truyền bá, rồi cũng nảy chồi đâm

tượng qua Việt Nam. Chùa chiến mọc rải rác từ thành thị đến thôn quê. Thần Đạo của Nhựt cũng du nhập dân Cổ Việt mà phổ biến nên thôn làng ta, mỗi làng đều có Đình Thần thờ các nhà trung liệt hy sinh vì Tổ Quốc. Thế kỷ thứ 19 Thiên Chúa Giáo núp theo bọn đế quốc xâm lược Pháp lang tràn vào các châu thành, nhà Thờ mọc như nấm. Rồi gần đây Mỹ, Anh lại du nhập Đạo Tin Lành, Cơ Đốc, Thông Thiên Học, Thần Linh Học, Hồi Giáo, Bà La Môn giáo.... bồi bổ tinh thần tín ngưỡng dân tộc Việt Nam thêm dồi dào về Đạo đức.

Về mặt đời, chúng ta biết nói tiếng Tàu, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Ấn, tiếng Nhựt, Tiếng Miên... lại quen với các phong tục quốc tế.

Khi chiến tranh với Pháp, Pháp dẫn đồng minh của họ đủ thứ sắc dân đến Việt Nam, nào là Sénégalais, Tunisie, Maroc, Malyache, Canada...

Rồi Pháp về Mỹ qua, Mỹ lại dẫn đồng minh của họ như Phi Luật Tân, Đại Hàn, Trung Hoa Dân Quốc, Mỹ Đen, Mỹ Trắng, Úc Châu, Tân Tây Lan... đủ thứ màu da sắc tóc.

Lại thêm Ủy Hội Quốc Tế Kiêm Luật Đình Chiến của 2 phe Tư Bản và Cộng Sản gồm Ba Lan, Tiệp Khắc, Thụy Điển...

Đùng 1 cái, cộng sản chiếm toàn cõi Nam Bắc Việt Nam thì nào Liên Xô, Cu Ba, Tiệp Khắc,..... của khối XHCN vào. Mỗi nhóm mỗi phe lại đem cái hay cái đẹp của mình ra dạy dân Việt, từ chánh trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, âm nhạc, thể thao... Lại khuyến khích gửi con em ra ngoại quốc học các ngành nghề; từ bên Tư Bản,

hay cộng sản, hay trung lập cùng thi nhau cho học bổng bảo đảm thành tài trong một thời gian ngắn dài đủ thứ.

Thêm vào phong trào xuất ngoại được phe Tự Sản khuyến khích nuôi dưỡng nên kẻ không phương tiện xuất ngoại cũng được xuất ngoại rồi cũng gởi tiền bạc về cho gia đình, mà còn được học hỏi tiến bộ trí thức khỏi mất tiền ở ngoại quốc.

Những hội Công Nông Quốc Tế, Hội Thập Tự Quốc Tế đến viện trợ kỹ thuật máy móc lương thực, thuốc men, cũng gởi các chuyên viên các ngành nghề qua Việt Nam tranh tài khoe sức, làm như Việt Nam là nơi thí điểm để quốc tế khoa trương sự văn minh của mình. Thiết tưởng trong tương lai không xa, các sinh viên Việt Nam sau khi đỗ đạt ra trường, trở về phục vụ xứ sở, chúng ta không hiếm như tài trong các lĩnh vực, cộng vào sự lớn mạnh của quần chúng nội quốc được tự do sáng chế, phát triển khoa học kỹ thuật, kinh tế, hành chánh, quân sự, ngoại giao, văn hóa, giao thông... Chừng ấy phẩm làm thầy của chúng ta đã tương xứng với danh vị. Đó là mặt đời.

Về mặt Đạo các tôn giáo được lần hồi thống nhất vào một khối Nho, Thích, Đạo cùng Ngũ Chi không thể đứng riêng rẽ vì bị thuyết vô thần lấn át buộc họ phải đoàn kết mới tồn tại, nên đương nhiên các nhà hữu trách Đạo giáo phải mở hội nghị Tôn Giáo Quốc Tế liên tiếp để một ngày không xa tìm giải pháp thống hợp làm một tôn giáo đại đồng.

Chúng ta học hình nhi hạ có, hình nhi thượng có, hiểu biết mở rộng thể dục, trí dục, đức dục nhờ hoàn cảnh đãi ngộ thêm sự hỗ trợ của phần Thiên Lương thì trở thành thầy rất nên xứng phận. Đến ngày phán đoán đại

đồng, Việt Nam thi với quốc tế về mọi mặt chắc không thua nước nào trên thế giới cả.

Chúng ta chủ quan mà tin chắc như thế. Vậy mới đáng lời tiên tri của Đức Từ Phụ:

*Một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới là kỳ.*

Nhờ Đại Từ Phụ đem chúng ta trở về nguyên thủy mới thắng dạng vật chất và nếu chúng ta theo văn minh vật chất thì chỉ chạy theo thiên hạ mà làm tội mọi mãi mãi. Về tinh thần thì lấy Nhơn Nghĩa, Bác Ái, Công Bình làm chuẩn đích. Về mặt vật chất thì học đủ thấy, mặc sức lựa chọn cái tinh túy mà để, cái hư tẻ mà bỏ thì mặt thế làm thầy, mặt huyền linh sẽ thi đỗ mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Bài thi của Lục Nương Diêu Trì Cung gói ghém ít chữ mà ý tứ bao la, luận hoài chẳng cạn lý.

IX. TẬN ĐỌA TAM ĐỒ LÀ SAO?

Có người hiểu tam đồ là thủy đồ, hỏa đồ và đao đồ, tỷ như tam ban trào điều để diệt thể xác. Như thế là sai, vì linh hồn là bất tử, đâu có bị diệt như thể xác mà dùng nước, lửa và đao mà kết liễu nó được. Nó vẫn sống, nhưng khi nó có tội, nó bị luân chuyển xuống cấp dưới để lập công, rồi lần lần trở lại phẩm cũ. Rồi từ phẩm cũ phải lập công thêm mới được thăng vị.

Chơn linh nào bị đọa tam đồ, bất năng thoát tục thì chơn linh ấy bị ngăn cản, không hiệp được với Chơn Thần làm cho đệ nhị xác thân phải trở lại chuyển kiếp từ bực kim thạch cho đến làm người và phải chuyển trở lại đúng 3 vòng mới được khởi lập công lại.

Có 1 bạn hỏi: 1 vòng cũng đủ giác ngộ rồi, tại sao tới 3 vòng?

Bát Nương trả lời: Bởi phạm thệ của Thiên Điều chớ không phải phạm tội. Mà phạm tội cũng có khi trở về kim thạch.

Có bạn hỏi: Nếu phạm tội thì phạt đến thú cầm là đủ, cần gì phải tới kim thạch.

Bà Bát tả lời: Kiếp hóa nhân thì về quý vị, còn kiếp nguyên nhân phải chịu đọa đầy như vậy mới sánh với quý vị được chớ.

Đó là hình luật Thiên Điều đã định, dầu cho nguyên nhân hay hóa nhân cũng đồng hình phạt.

Tóm lại, nếu ta phạm thệ ta phải từ kiếp người tuột xuống vật chất, lần lần tiến lên thảo mộc, rồi thú cầm, kế đoạt nhưn phẩm. Mỗi vòng biến hóa như thế gọi là một đờ, thời gian lối 1.000 năm. Đi 3 vòng tức là 3.000 năm mới hết tam đờ.

Còn bất năng thoát tục là vì trong 3.000 năm luân chuyển ấy, chơn linh lối thệ đâu có ngày giờ lập công mà về với cõi Hằng Sống. Nếu không về đặng với Chí Tôn thì phải lẩn quẩn ở cõi đọa đày này hoài nên ý nghĩa bất năng thoát tục là vậy.

X. GẮN ĐẾN ĐÀO NGUYÊN

Ông Giám Đạo Nguyễn Hượi Hải, lúc 23 Tết năm Canh Dần (1950) được Bà Bát Nương tặng một bài thi tứ tuyệt có nghĩa úp mở như sau:

*Biển rộng thuyền lan khá bớt lèo,
Thênh thang mặt nước thuận lòng theo.
Tay Tiên nhẹ nhẹ nương chiều lái,
Gắn đến Đào Nguyên nhật mái chèo.*

Ông Hải hiểu “Gắn đến Đào Nguyên” là gắn thành Đạo nên ông mừng rỡ lắm. Vừa về đến Châu Đốc, để va li cái bộp thì khoe với vợ liền: Bà ơi! Bát Nương cho tôi một bài thi rất hay, tôi đọc cho bà nghe. Rồi ông ngâm một cách khoái trá.

Không dè ngày 26 Tết, tức 3 hôm sau được bài thi, ông cảm rối mắt. Chùng ấy bà vợ mới hiểu rõ nghĩa bài thi Bát Nương tiên tri rõ ràng ngày qui vị của chồng mình.

Á! Gắn đến Đào Nguyên là gắn đến ngày về với Phật Mẫu dự Hội Bàn Đào, tức ngày thoát xác của một trang chân tu Đạo hạnh.

Trong một đàn cơ, Ông có tỏ tâm sự như sau:

*Cảnh tục tay chia luống nhớ sâu,
Tình huynh nghĩa đệ mấy tràng sầu.
Canh khuya nhìn ngọn hoa đăng cạn,
Trống nhạc nhớ hình nhạn bích châu.
Một thuở tương rau nên hiệp mặt,*

*Đôi khi muối tuyết đã chung đầu.
Hữu duyên hai ngã đành ly biệt,
Đệ trở Thiên Cung bởi lệnh châu.*

NAM DƯƠNG

Viết xong quyển 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất (1982)

TỪ QUANG

KỶ NIỆM QUYỂN I.

*Cậu Từ Cô Quang đã lấy nhau,
Đầu lòng sanh đặng một anh hào.
Đặt tên **Tâm Ngọc** khôì ngộ thật,
Khom xuống trông em, ngắm phía sau.*

KỶ NIỆM QUYỂN II.

*Phía sau yếu điệu bóng giai nhân,
Thu Thủy nhãn quang chiếu sáng ngần.
Mi đậm xuân sơn cung nguyệt khuyết,
Nếu không Tây Tử cũng Huyền Trân.*

KỶ NIỆM QUYỂN III.

*Huyền Trân Tây Tử cứu sơn hà,
Tâm Ngọc mừng em đứa thứ ba.
Nơi chúc tiên nhân tô đánh Việt,
Hươu gươm Thần Huệ, niệm Ma Ha.*

TÂM NGỌC
QUYỂN III
TỬ QUANG